

Bản án số 03A/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 01 - 2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Mộng T, sinh ngày 13/9/1989; địa chỉ cư trú: ấp MT, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1989; địa chỉ cư trú: ấp MT, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Mộng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh H chung sống năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương. Quá trình chung sống anh H không quan tâm, lo lắng gia đình, thường xuyên nhậu về hành hung chị. Gia đình hai bên có hàn gắn, nhưng anh H không thay đổi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Kiều M, sinh ngày 30/10/2009, Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 08/8/2015 hiện đang sống chung anh H. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, còn sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Mộng T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Nguyễn Văn H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2007, chị T với anh H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T xác định quá trình chung sống anh H hữu không quan tâm, lo lắng gia đình, thường xuyên nhậu về hành hung chị. Gia đình hai bên có hàn gắn, nhưng anh H không thay đổi. Tuy nhiên, anh H không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T với anh H đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu M đã hơn 16 tuổi, cháu K đã hơn 13 và cháu V đã hơn 10 tuổi đang sống cùng anh H. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, còn sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không đặt ra, nhưng anh H không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu M, K và V thể hiện 03 cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của 03 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Mộng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều M, sinh ngày 30/10/2009, Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 08/8/2015 cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Mộng T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Phạm Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002230 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4; chị Phạm Mộng T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh